|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS GIA THỤY  **TỔ HÓA – SINH – ĐỊA**  **NĂM HỌC: 2021 -2022**  **ĐỀ SỐ 1** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  MÔN ĐỊA LÍ 9. TIẾT 37  Thời gian làm bài: 45 phút  *Ngày kiểm tra: 27/12/2021* |

**Phần I. 28 câu. Mỗi câu 0,3 điểm**

**Câu 1. Trung du và miền núi Bắc bộ bao gồm**

A. 10 tỉnh

B. 15 tỉnh

C. 20 tỉnh

D. 25 tỉnh

**Câu 2. Trong số các tỉnh dưới đây, tỉnh nào nằm ở Tây Bắc?**

A. Lạng Sơn.

B. Quảng Ninh.

C. Hoà Bình.

D. Phú Thọ.

**Câu 3. Về mùa đông, khu vực Đông Bắc lạnh hơn Tây Bắc là do:**

A. gió mùa, địa hình.

B. núi cao, nhiều sông.

C. thảm thực vật, gió mùa.

D. vị trí ven biển và đất.

**Câu 4. Phát triển nghề rừng theo hướng nông – lâm kết hợp ở Trung du và**  
**miền núi Bắc Bộ có ý nghĩa lớn về môi trường là**  
A. Cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.  
B. Đem lại mặt hàng xuất khẩu có giá trị.  
C. Hạn chế thiên tai lũ lụt, sạt lở đất; điều hòa khí hậu.  
D. Tạo việc làm, nâng cao đời sống người dân.

**Câu 5. Về mặt tự nhiên Trung du và miền núi Bắc bộ có đặc điểm chung là**

A. chịu sự chi phối sâu sắc của độ cao địa hình.

B. chịu tác động rất lớn của biển.

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của vĩ độ.

D. chịu ảnh hưởng nặng của mạng lưới thủy văn.

**Câu 6. Đặc điểm nào sau đây không thuộc Trung du và miền núi Bắc bộ?**

A. Diện tích lớn nhất so với các vùng khác.

B. Có sự phân hóa thành hai tiểu vùng Đông Bắc và Tây Bắc.

C. Địa hình thấp nhất nước.

D. Giáp cả Trung Quốc và Lào.

**Câu 7. Những thế mạnh kinh tế quan trọng hàng đầu của Trung du và miền núi Bắc bộ là:**

A. công nghiệp chế biến lương thực – thực phẩm và phát triển ngành thủy sản.

B. trồng cây lương thực, cây ăn quả và khai thác lâm sản.

C. giao thông vận tải biển và nuôi trồng thủy sản.

D. khai thác khoáng sản và phát triển thủy điện.

**Câu 8. Các nhà máy thủy điện Sơn La, Hòa Bình nằm trên dòng sông**

A. Đà.

B. Lô.

C. Gâm.

D. Chảy.

**Câu 9. Trong số các nhà máy điện đã và đang xây dựng của vùng Trung du và miền núi Bắc bộ, nhà máy nào sau đây là máy nhiệt điện?**

A. Hoà Bình.

B. Thác Bà.

C. Uông Bí.

D. Sơn La.

**Câu 10. Đồng bằng sông Hồng là đồng bằng châu thổ được bồi đắp bởi phù sa của hệ thống**

A. sông Hồng và sông Thái Bình.

B. sông Hồng và sông Đà.

C. sông Hồng và sông Cầu.

D. sông Hồng và sông Lục Nam.

**Câu 11. Tài nguyên khoáng sản có giá trị ở Đồng bằng sông Hồng là:**

A. than nâu, bôxít, sắt, dầu mỏ.

B. đá vôi, sét cao lanh, than nâu, khí tự nhiên.

C. apatit, mangan, than nâu, đồng.

D. thiếc, vàng, chì, kẽm.

**Câu 12. Thế mạnh về tự nhiên tạo cho Đồng bằng sông Hồng có khả năng phát triển mạnh cây vụ đông là:**

A. đất phù sa màu mỡ.

B. nguồn nước mặt phong phú.

C. có một mùa đông lạnh.

D. địa hình bằng phẳng và hệ thống đê sông, đê biển.

**Câu 13. Các tỉnh không thuộc đồng bằng sông Hồng là:**

A. Bắc Giang, Lạng Sơn.

B. Thái Bình, Nam Định.

C. Hà Nam, Ninh Bình.

D. Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.

**Câu 14. Ngành công nghiệp trọng điểm không phải của Đồng bằng sông Hồng là:**

A. công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

B. công nghiệp khai khoáng.

C. công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

D. công nghiệp cơ khí và sản xuất vật liệu xây dựng.

**Câu 15. Hai trung tâm công nghiệp hàng đầu ở Đồng bằng sông Hồng là:**

A. Hà Nội và Vĩnh Yên.

B. Hà Nội và Hải Dương.

C. Hà Nội và Hải Phòng.

D. Hà Nội và Nam Định.

**Câu 16. Đồng bằng sông Hồng phát triển mạnh:**

A. chăn nuôi trâu, bò, dê, ngựa.

B. chăn nuôi gà, vịt, ngan, ngỗng, cừu.

C. chăn nuôi bò thịt, đánh bắt thủy sản.

D. chăn nuôi lợn, bò sữa, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.

**Câu 17. Những địa điểm du lịch hấp dẫn không phải của Đồng bằng sông Hồng là:**

A. chùa Hương, Tam Cốc – Bích Động.

B. Núi Lang Biang, mũi Né.

C. Côn Sơn, Cúc Phương.

D. Đồ Sơn, Cát Bà.

**Câu 18. Tam giác tăng trưởng kinh tế cho vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là:**

A. Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long.

B. Hà Nội, Hải Dương, Hải Phòng.

C. Hà Nội, Hưng Yên, Hải Dương.

D. Hà Nội, Bắc Ninh, Vĩnh Yên.

**Câu 19. Cần đặt vấn đề bảo vệ nghiêm ngặt đê sông Hồng vì**

A. nước sông rất lớn.

B. nước sông chảy mạnh.

C. nước sông nhiều phù sa.

D. đáy sông cao hơn mặt ruộng.

**Câu 20.** **Trong các tài nguyên du lịch dưới đây, tài nguyên nào là tài nguyên du lịch thiên nhiên:**

A. Các công trình kiến trúc

B. Các lễ hội truyền thống

C. Văn hóa dân gian

D. Các bãi tắm đẹp

**Câu 21.** **Loại tài nguyên quý giá nhất của vùng đồng bằng sông Hồng là**

A. Khoáng sản.

B. Đất phù sa.

C. Địa hình.

D. Khí hậu.

**Câu 22. Hoạt động dịch vụ tập trung ở đô thị nhiều hơn ở khu vực nông thôn do :**

A. dân cư tập trung đông và kinh tế phát triển hơn khu vực nông thôn.

B. giao thông vận tải phát triển hơn.

C. thu nhập bình quân đầu người cao hơn.

D. có nhiều chợ hơn.

**Câu 23. Việc nâng cao chất lượng dịch vụ và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ phải dựa trên cơ sở chủ yếu nào?**

A. Dân cư đông và nguồn lao động dồi dào.

B. Thu hút đầu tư nước ngoài.

C. Trình độ công nghệ cao, lao động lành nghề , cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.

D. Chính sách phát triển ngành dịch vụ của nhà nước.

**Câu 24. Yếu tố nào tác động mạnh mẽ đến sự phân bố ngành dịch vụ?**

A. Vị trí địa lí thuận lợi, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú.

B. Nền kinh tế phát triển năng động.

C. Giao thông vận tải phát triển.

D. Sự phân bố dân cư và phát triển kinh tế.

**Câu 25. Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh là hai trung tâm dịch vụ lớn nhất ở nước ta không biểu hiện ở đặc điểm:**

A. là hai đầu mối giao thông vận tải, viễn thông lớn nhất cả nước

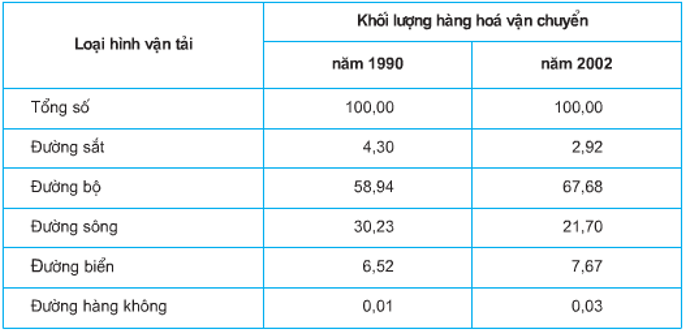
B. là nơi tập trung nhiều trung tâm công nghiệp lớn nhất cả nước.

C. là nơi tập trung nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và bệnh viện lớn.

D. là hai trung tâm thương mại, tài chính ngân hàng lớn nhất nước ta.

**Câu 26.** Cho bảng số liệu sau:

CƠ CẤU KHỐI LƯỢNG HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN PHÂN THEO CÁC LOẠI HÌNH VẬN TẢI (%)



**Cho biết, khối lượng vận chuyển hàng hoá bằng loại hình giao thông vận tải nào nhiều nhất?**

A. Đường sắt.

B. Đường bộ.

C. Đương sông.

D. Đường biển.

**Câu 27. Hiện nay, nước ta đang hợp tác buôn bán với khu vực nào nhiều nhất?**

A. Châu Âu.

B. Bắc Mĩ.

C.Châu Á – Thái Bình Dương.

D.Châu Đại Dương.

**Câu 28. Trong các tài nguyên du lịch dưới đây, tài nguyên nào không phải là tài nguyên du lịch nhân văn:**

A. Các công trình kiến trúc.

B. Các vườn quốc gia.

C. Văn hóa dân gian.

D. Các di tích lịch sử.

**Phần II. 4 câu. Mỗi câu 0,4 điểm**

**Câu 29.** *Cho bảng số liệu : Sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2010 và 2014*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vùng** | **Sản lượng lương thực *( nghìn tấn)*** | |
|  | **Năm 2010** | **Năm 2014** |
| Đồng bằng sông Hồng | 7013,8 | 6941,2 |
| Đồng bằng sông Cửu Long | 21796,,0 | 25475,,0 |
| Cả nước | 44632,2 | 50178,5 |

**Để thể hiện sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng , đồng bằng sông Cửu Long và cả nước giai đoạn 2010 và 2014, biểu đồ nào thích hợp nhất?**

**A.** Biểu đồ miền

**B.** Biểu đồ cột.

**C.** Biểu đồ tròn

**D.** Biểu đồ đường

**Câu 30. Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23 “Giao thông” cho biết quốc lộ 1A ở nước ta chạy từ**

A. Hà Nội đến TP. Hồ Chí Minh.

B. Lạng Sơn đến Cà Mau.

C. Hà Giang đến Cà Mau.

D. Cao Bằng đến TP. Hồ Chí Minh.

**Câu 31. Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 12, cho biết khu dự trữ sinh quyển Cát Bà thuộc tỉnh/thành phố**

**A.** Quảng Ninh.

**B.** Hải Phòng.

**C.** Thái Bình.

**D.** Nam Định.

**Câu 32. Ý nghĩa của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ**  
**không phải là**  
A. góp phần phát triển kinh tế - xã hội của vùng.  
B. kiểm soát lũ cho Đồng bằng sông Hồng.  
C. phát triển du lịch.  
D. nuôi trồng thủy sản nước mặn.

**HẾT**